

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 27/4/2021.

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình - Ly hôn và nuôi con*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Tinh**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Châu Quốc Tuấn**.

2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Tấn Lợi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 622/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*” theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Mường Trung, xã Phú Linh, huyện Vị Xuyên, Hà Giang.

- ***Bị đơn:*** **Bùi Thị Kim Q**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp An Nghiệp, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

(Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Q có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo Đơn khởi kiện và Đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt nguyên đơn Nguyễn Văn L là nguyên đơn trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Kim Q kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2011, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Linh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang cấp ngày 16/5/2014.

Vợ chồng chung sống với nhau lúc đầu vẫn có hạnh phúc. Sau thời gian chung sống, do chồng là người bắc, vợ là người nam nên khác nhau về lối sống, bất đồng quan điểm trong hôn nhân nên làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, hôn nhân bất hòa.

Vợ chồng anh đã có khoảng thời gian 05 năm sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, không có sự quan tâm lẫn nhau, chung sống không có được hạnh phúc nên anh quyết định ly hôn với chị Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Nguyễn Thanh Bạch, sinh ngày 14/4/2012, hiện con chung anh đã rước về sống chung với anh L. Khi ly hôn, anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ.

**\* Bị đơn Bùi Thị Kim Q trình bày:**

Chị Q thống nhất với lời trình bày của anh L.

- Về hôn nhân: Chị Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Nguyễn Thanh Bạch, sinh ngày 14/4/2012, hiện con chung anh L đã rước về sống chung với anh L. Khi ly hôn, chị Q đồng ý cho anh L được quyền tiếp tục nuôi con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con, do hoàn cảnh khó khăn.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ.

**\* Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án gồm:**

1. 01 (một) Giấy CMND + Sổ hộ khẩu (bản sao);
2. 01 (một) Quyết định về việc công nhận nhận con (bản sao);
3. 01 (một) Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
4. 01 (một) Đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 24/3/2021 tên Nguyễn Văn L (bản chính);
5. 01 (một) Văn bản ý kiến ngày 24/3/2021 của cháu Bùi Nguyễn Thanh Bạch (bản chính).

**\* Các tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp cho Tòa án gồm:**

1. 01 (một) Văn bản ý kiến ngày 30/3/2021 tên Bùi Thị Kim Q (bản chính).
2. 01 (một) Giấy CMND + Sổ hộ khẩu (bản sao);
3. 01 (một) Đơn yêu cầu Tòa án không tiếp tục hòa giải ngày 30/3/2021 tên Bùi Thị Kim Q;
4. 01 (một) Giấy khai sinh tên Bùi Nguyễn Thanh Bạch (bản sao).

**\* Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm:** Không có.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Hội đồng xét xử xét thấy, theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L là yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị Kim Q và yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Hội đồng xét xử xét thấy, tranh chấp giữa các đương sự trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, địa chỉ của bị đơn Bùi Thị Kim Q tại ấp An Nghiệp, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị Q kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2011, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Linh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang vào ngày 16/5/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn thì số đăng ký là 29, quyển số 01. Như vậy, hôn nhân của anh L và chị Q là tự nguyện và hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống: Vợ chồng chung sống với nhau lúc đầu vẫn có hạnh phúc. Sau thời gian chung sống, do chồng là người bắc, vợ là người nam nên khác nhau về lối sống, bất đồng quan điểm trong hôn nhân nên làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, hôn nhân bất hòa. Vợ chồng anh chị đã có khoảng thời gian 05 năm sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, không có sự quan tâm lẫn nhau, chung sống không có được hạnh phúc nên anh L quyết định ly hôn với chị Q.

Đồng thời, chị Q cũng trình bày nay chị không còn tình cảm với anh L, vợ chồng không thể sống chung được nữa vì đã ly thân từ lâu nên nay chị đồng ý ly hôn với anh L.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa anh L và chị Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Xét yêu cầu của anh L về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Nguyễn Thanh Bạch, sinh ngày 14/4/2012, hiện con chung anh đã rước về sống chung với anh L. Khi ly hôn, anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Căn cứ Giấy khai sinh số 64/2013 của cháu Bùi Nguyễn Thanh Bạch thể hiện cháu Bạch có cha tên Nguyễn Văn L và mẹ tên Bùi Thị Kim Q là

phù hợp với lời trình bày của anh L, chị Q. Nên, anh L và chị Q có 01 con chung tên Bùi Nguyễn Thanh Bạch, sinh ngày 14/4/2012.

Xét yêu cầu nuôi con của anh L: Hiện cháu Bạch đang sống chung với anh L, anh L có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị Q cũng đồng ý giao con cho anh L nuôi dưỡng. Đồng thời, theo văn bản ý kiến của cháu Bạch có nguyện vọng được sống chung với anh L. Do vậy, yêu cầu nuôi con của anh L là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con và chị Q cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con do hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung thì chị Q vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Xét về tài sản chung: Anh L và chị Q trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Xét về nợ chung: Anh L và chị Q trình bày vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn L.

[2.5] Về án phí: Anh L là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn L.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn L được ly hôn với chị Bùi Thị Kim Q.

2. **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Nguyễn Thanh Bạch, sinh ngày 14/4/2012, hiện cháu Bạch đang sống chung với anh L.

Anh Nguyễn Văn L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Nguyễn Thanh Bạch, sinh ngày 14/4/2012. Chị Bùi Thị Kim Q không phải

cấp dưỡng nuôi con, do anh L không yêu cầu.

Chị Bùi Thị Kim Q được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

**3. Về tài sản chung:** Không có.

**4. Về nợ chung:** Không có.

**5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số BI/2019/0011955 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Anh L đã nộp xong.

**6. Về quyền kháng cáo:**

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

**Lê Văn Tinh**